

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

|                      |  |
|----------------------|--|
| <b>E-ĐKC 1.3</b>     | Chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng<br>Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng<br>Mã số thuế: 0200493225<br>Số tài khoản: 321 001 0512 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.<br>Điện thoại: 02253775161<br>Fax: 02253775162<br>Email: ndhpn@ndhp.vn  |
| <b>E-ĐKC 1.5</b>     | Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Tổ dân phố 6, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng  |
| <b>E-ĐKC 1.11</b>    | Nhà thầu: _____ [ <i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i> ].  |
| <b>E-ĐKC 2.2 (i)</b> | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:<br>1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;<br>2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);<br>3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;<br>4. E-ĐKC của hợp đồng;<br>5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;<br>6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;<br>7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);<br>8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);<br>9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.  |
| <b>E-ĐKC 4.1</b>     | Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:<br>- Người nhận: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.<br>- Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng.<br>- Điện thoại: 0225 3775 161.<br>- Fax: 0225 3775 162.<br>- Địa chỉ email: ndhpn@ndhp.vn.   |
| <b>E-ĐKC 5.2</b>     | - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:<br>Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm vô điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15 chương VIII E-HSMT) và không hủy ngang<br>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.<br>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng |

|                   |  |
|-------------------|--|
|                   | <p>và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p>Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</li> <li>+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</li> <li>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</li> <li>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</li> </ul> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> |
| <b>E-ĐKC 5.4</b>  | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.  |
| <b>E-ĐKC 6.1</b>  | Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>   |
| <b>E-ĐKC 6.2</b>  | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: ____ giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT].</i>   |
| <b>E-ĐKC 6.4</b>  | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].</i>   |
| <b>E-ĐKC 10.1</b> | Loại hợp đồng: Trọn gói  |
| <b>E-ĐKC 10.2</b> | Giá hợp đồng: Cố định  |
| <b>E-ĐKC 11</b>   | Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời  |

|                   |  |
|-------------------|--|
|                   | <p>Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh hai bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng trên cơ sở giữ nguyên đơn giá trước thuế đã ký.</p>  |
| <b>E-ĐKC 12.1</b> | <p>Tạm ứng: _</p> <p>Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 10% giá trị hợp đồng (bao gồm cả thuế GTGT) trong vòng 20 ngày sau khi nhà thầu trình đầy đủ các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị tạm ứng ứng</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng</li> <li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng với giá trị tương đương giá trị được tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII E-HSMT. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</li> </ul> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> |
| <b>E-ĐKC 13.1</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%</li> <li>- Đồng tiền thanh toán: VNĐ</li> <li>- Bên A thanh toán cho Bên B trong thời gian 60 ngày kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên B, trong đó ghi rõ lý do thanh toán, số tiền yêu cầu thanh toán, tên và địa chỉ tài khoản của Ngân hàng nơi nhận tiền.</li> <li>+ Biên bản nghiệm thu A-B</li> <li>+ Các tài liệu kỹ thuật có liên quan</li> </ul> </li> </ul>   |

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
  - + Bảng kê xác định giá trị khối lượng và chất lượng đã hoàn thành thực tế trong có xác nhận đại diện hai Bên.
  - + Bảng kê xác định giá trị khối lượng và chất lượng đã hoàn thành thực tế có xác nhận của đại diện hai Bên thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán.
- Khi thanh toán, Bên A sẽ khấu trừ giá trị đã tạm ứng cho Bên B (nếu có), giữ lại 5% giá trị bảo hành công trình (5% giá trị hoàn thành) và chờ quyết toán (5% giá trị nghiệm thu hoàn thành).  
Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành toàn bộ công trình kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của hợp đồng.

- Thanh toán phần giữ lại:

***Thanh toán tiền giữ lại chờ bảo hành:***

- + Số tiền Bên A giữ lại để bảo hành công trình, Bên A sẽ thanh toán khoản giữ lại này cho Bên B trong vòng 20 ngày sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình hoặc Bên B nộp bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng cấp với giá trị tương đương

**Bảo lãnh bảo hành:** Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu bàn giao và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.  
**Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:** Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho

|                      |  |
|----------------------|--|
|                      | <p>Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p> <p><b>Thanh toán tiền giữ lại chờ quyết toán:</b> 5% giá trị nghiệm thu hoàn thành cho nhà thầu sẽ được thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ khi hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>  |
| <b>E-ĐKC 13.2</b>    | Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng   |
| <b>E-ĐKC 15</b>      | <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng<br/> Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với :2%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12 %. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.<br/> Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng<br/> Trường hợp nhà thầu chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến lợi ích của Chủ đầu tư, ngoài giá trị phạt chậm như nêu trên, nhà thầu phải: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế mà chủ đầu tư phải chịu do ảnh hưởng trên; Hoặc Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định, phù hợp với pháp luật dân sự và luật thương mại: giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm. Số tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng được xác định bởi Tòa án có thẩm quyền hay tổ chức trọng tài trên cơ sở thiệt hại mà bên bị vi phạm phải chịu.</p> |
| <b>E-ĐKC 17.1(c)</b> | <p>Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi phạm vi công việc</li> <li>- Các thay đổi khác mang tính khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà thầu không ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của gói thầu và phải được chủ đầu tư chấp thuận.</li> </ul>   |
| <b>E-ĐKC 17.4</b>    | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.  |
| <b>E-ĐKC 18 (e)</b>  | Các trường hợp khác: Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.   |
| <b>E-ĐKC 20.1</b>    | <p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau:</p> <p>Nhà thầu phải bố trí đầy đủ nhân lực, vật tư thiết bị, máy thi công để triển khai công việc đảm bảo tiến độ và chất lượng theo đúng yêu cầu của</p>  |

|                   |  |
|-------------------|--|
|                   | <p>HSMT, HSDT và các quy định về quản lý chất lượng của Công ty Nhiệt điện Hải Phòng, GENCO2, EVN và của Nhà nước.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Trong quá trình cung cấp dịch vụ, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư (CĐT) thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của CĐT, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót chậm nhất 02 ngày sau khi nhận được thông báo của CĐT. Trường hợp Nhà thầu không tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong khoảng thời gian được CĐT tự quy định, CĐT có thể thuê tổ chức khác khắc phục hư hỏng, khuyết tật phát sinh và Nhà thầu phải hoàn trả chi phí.</p> |
| <b>E-ĐKC 21.2</b> | <p>Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.</p> <p>- Theo yêu cầu của HSMT có yêu cầu nhân sự tối thiểu để phục vụ công tác sửa chữa. Trường hợp phát sinh nhiều công việc trong quá trình triển khai thực hiện đề nghị nhà thầu phải tăng cường bố trí nhân lực và thiết bị để đảm bảo chất lượng và tiến độ công tác sửa chữa.</p>  |
| <b>E-ĐKC 22.2</b> | <p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu có phát sinh tranh chấp</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Nếu không thống nhất giải quyết thì một trong hai bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có phát sinh tranh chấp, quyết định của Tòa án là cơ sở để hai bên thực hiện và án phí do bên thua chịu</p>  |